

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC KIỂM LÂM

QUY TRÌNH
PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC THỰC VẬT RỪNG
THÔNG THƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Mã hiệu : QT.09.SDPTR

Lần ban hành : 01

Ngày : 27/3/2023

	Người viết	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Nguyễn Ngọc Nga	Nguyễn Thị Anh Nguyễn	Lê Đức Sáu
Chức vụ	Công chức Phòng Sử dụng và phát triển rừng	Phó Chi cục trưởng	Phó Chi cục trưởng Phụ trách
Chữ ký	Nga	 	

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH BÌNH ĐỊNH	QUY TRÌNH Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Mã hiệu:	QT.09.SDPTR
		Lần ban hành:	01
		Ngày ban hành:	27/3/2023
		Trang:	3/6

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự và cách thức Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng tại Chi cục Kiểm lâm và các tổ chức/cá nhân có liên quan.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1.

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- LDCC: Lãnh đạo Chi cục
- TP: Trưởng phòng
- SDPTR: Sử dụng và phát triển rừng
- CCKL: Chi cục Kiểm lâm
- NNPTNT: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- TTPVHCC: Trung tâm phục vụ hành chính công
- Thông tư 26: Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- VT: Văn thư.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý
	1. Thông tư 26 Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. 2. Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực: Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở NNPTNT. 3. Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính không liên thông cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực: Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở NNPTNT.

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH BÌNH ĐỊNH	QUY TRÌNH Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Mã hiệu:	QT.09.SDPTR
		Lần ban hành:	01
		Ngày ban hành:	27/3/2023
		Trang:	4/6

5.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	1. Đơn đề nghị phê duyệt Phương án khai thác theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 26.	X		
	2. Phương án khai thác theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 26.	X		
	3. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hoặc bản sao quyết định phê duyệt dự án lâm sinh, hoặc tài liệu chứng minh việc thực hiện các biện pháp lâm sinh, hoặc chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 6 Thông tư 26.		X	
5.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.4	Thời gian xử lý: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: TTPVHCC tỉnh, địa chỉ: số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.			
5.6	Phí và lệ phí: Không.			
5.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: - Nếu hồ sơ không hợp lệ: hướng dẫn trực tiếp để tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.	Bộ phận một cửa TTPVHCC	≤ 0,5	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Hồ sơ theo mục 5.2.

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH BÌNH ĐỊNH	QUY TRÌNH Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Mã hiệu:	QT.09.SDPTR
		Lần ban hành:	01
		Ngày ban hành:	27/3/2023
		Trang:	5/6

	- Nếu hồ sơ hợp lệ: chuyển tiếp hồ sơ về Phòng SDPTR.			
Bước 2	Tiếp nhận hồ sơ và phân công công chức thực hiện.	TP. SDPTR	$\leq 0,5$	Hồ sơ theo mục 5.2.
Bước 3	Kiểm tra nội dung hồ sơ: - Nếu hồ sơ không hợp lệ: soạn thảo văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ (thông qua TP, trình LDCC xem xét, phê duyệt). - Nếu hồ sơ hợp lệ, dự thảo văn bản của Chi cục Kiểm lâm đề nghị Sở NNPTNT phê duyệt Phương án.	Công chức được phân công	≤ 06	Văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ /Dự thảo văn bản trình Sở NNPTNT.
Bước 4	Thông qua dự thảo văn bản trình LDCC.	TP. SDPTR	$\leq 0,5$	Dự thảo văn bản trình Sở NNPTNT.
Bước 5	Phê duyệt văn bản đề nghị Sở NNPTNT phê duyệt Phương án khai thác.	LDCC	≤ 01	Văn bản đề nghị Sở NNPTNT phê duyệt Phương án.
Bước 6	Phê duyệt Phương án khai thác.	LD Sở NNPTNT	≤ 01	Quyết định phê duyệt phương án.
Bước 7	Nhận kết quả và trả kết quả cho tổ chức.	TTPVHCC	$\leq 0,5$	Quyết định phê duyệt phương án.
Lưu ý	- Không áp dụng quản lý chất lượng đối với các bước được thể hiện bằng chữ in nghiêng. - Quy trình giải quyết hồ sơ giấy và điện tử phải được thực hiện đồng bộ. - Văn bản hướng dẫn cho tổ chức/cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của Thông tư 01/2018/TT-VPCP và gửi cho tổ chức/cá nhân thông qua TTPVHCC. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.			

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH BÌNH ĐỊNH	QUY TRÌNH Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Mã hiệu:	QT.09.SDPTR
		Lần ban hành:	01
		Ngày ban hành:	27/3/2023
		Trang:	6/6

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu	Biểu mẫu
1	BM 01.QT.09	Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án khai thác.	<u>BM.01.QT09.doc</u>
2	BM 02. QT.09	Phương án khai thác.	<u>BM 02. QT.09.doc</u>

7. HỒ SƠ CÀN LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1	Phương án khai thác.
2	Văn bản đề nghị phê duyệt.
3	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hoặc bản sao quyết định phê duyệt dự án lâm sinh, hoặc tài liệu chứng minh việc thực hiện các biện pháp lâm sinh, hoặc chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 6 Thông tư 26.
4	Văn bản CCKL đề nghị Sở NNPTNT phê duyệt Phương án.
5	Quyết định phê duyệt của Sở NNPTNT.
Hồ sơ được lưu tại Phòng SDPTR, thời gian lưu 01 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống lưu trữ của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN (*)

(1)

Kính gửi⁽²⁾:

1. Thông tin chủ rừng:

a) Tên chủ rừng⁽³⁾:

- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHD/CCCD/CMND/HC⁽⁴⁾:

c) Địa chỉ chủ rừng⁽⁵⁾:

d) Số điện thoại:; Địa chỉ Email:

2. Nội dung đề nghị phê duyệt: Phương án khai thác⁽¹⁾:

3. Tài liệu gửi kèm:

- Bản chính Phương án⁽¹⁾

- Tài liệu khác (nếu có)

....., ngày tháng năm

CHỦ RỪNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú:

(*) Mẫu này do chủ rừng lập khi đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án khai thác gỗ/thực vật rừng thông thường/động vật rừng thông thường từ tự nhiên/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường.

⁽¹⁾ Ghi trường một trong các trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này hoặc trường hợp khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên.

⁽²⁾ Ghi rõ tên cơ quan phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 6 hoặc khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

⁽³⁾ Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc ghi đầy đủ họ tên đối với cá nhân.

⁽⁴⁾ Ghi Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/mã số doanh nghiệp/giấy phép thành lập/dăng ký hoạt động đối với tổ chức; số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu đối với cá nhân.

⁽⁵⁾ Ghi rõ địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/dăng ký hoạt động với tổ chức; địa chỉ thường trú trên chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

(1)

I. Thông tin chủ rừng:

1. Tên chủ rừng⁽²⁾:
2. Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC⁽³⁾:
3. Địa chỉ chủ rừng⁽⁴⁾:
4. Số điện thoại:; Địa chỉ Email:

II. Nội dung phương án

1. Căn cứ xây dựng phương án⁽⁵⁾:
2. Đối tượng⁽⁶⁾:
3. Địa danh, diện tích khai thác⁽⁷⁾:
4. Sản lượng dự kiến khai thác⁽⁸⁾:
5. Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng:
6. Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác (đối với thực hiện dự án lâm sinh):

....., ngày tháng năm.....

CHỦ RỪNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

Phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền⁽⁹⁾

.....
.....

... .., ngày ... tháng ... năm 20...

(Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi trường một trong các trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

⁽²⁾ Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc ghi đầy đủ họ tên đối với cá nhân.

⁽³⁾ Ghi Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/mã số doanh nghiệp/giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động đối với tổ chức; số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu đối với cá nhân.

- ⁽⁴⁾ Ghi rõ địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập/dăng ký hoạt động đối với tổ chức; địa chỉ thường trú trên chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân.
- ⁽⁵⁾ Ghi thông tin các văn bản quy phạm pháp luật và các tài liệu liên quan.
- ⁽⁶⁾ Ghi đối tượng khai thác tại quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.
- ⁽⁷⁾ Ghi thông tin khu vực dự kiến khai thác (lô, khoảnh, Tiểu khu).
- ⁽⁸⁾ Đối với gỗ: Ghi số lượng cây, khối lượng (m^3 , kg, ster)/thực vật rừng ngoài gỗ (kg, m^3 , ster)/số lượng mẫu vật...
- ⁽⁹⁾ Thủ trưởng cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này phê duyệt.